

Số: 5620/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2020 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Văn bản số 333/CP-CN ngày 13/7/2023 của Chính phủ về đính chính Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Quy định quản lý kèm theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Chí Linh – Cửa Lấp, thành phố Vũng Tàu và Quy định quản lý kèm theo đồ án;

Căn cứ Thông báo số 129/TB-UBND ngày 01/3/2024 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về kết luận cuộc họp nghe báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất và cơ sở nhà đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Văn bản số 2005/UBND-QLĐT ngày 08/3/2024 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc giao Phòng Quản lý đô thị làm chủ đầu tư lập đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 541/TB-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Thọ - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Tập thể UBND tỉnh nghe báo cáo thông qua các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 1877-TB/TU ngày 15/7/2024 của Thành ủy Vũng Tàu về Kết luận của Thường trực Thành ủy về 02 đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn trên địa bàn thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 4093-KL/TU ngày 15/7/2024 của Thành ủy Vũng Tàu về Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về 02 đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn trên địa bàn thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 151A/TB-HĐTĐ ngày 05/7/2024 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch thành phố Vũng Tàu về 02 đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn trên địa bàn thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Văn bản số 3669/SXD-QHKT ngày 12/7/2024 của Sở Xây dựng về ý kiến thống nhất nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ các văn bản của các Sở, ngành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và cơ quan, đơn vị liên quan góp ý về đề án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư về đề án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu đã được UBND Phường 11 tổng hợp tại Văn bản số 1488/UBND-ĐC ngày 25/6/2024 (lần 1) và Văn bản số 1641/UBND-ĐC ngày 16/7/2024 (lần 2);

Trên cơ sở phiếu biểu quyết của các thành viên UBND thành phố Vũng Tàu theo đề nghị của UBND thành phố Vũng Tàu tại Văn bản số 7729/UBND-VP ngày 15/7/2024 về đề nghị có ý kiến đối với nội dung đề án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu (kết quả 18/18 phiếu biểu quyết đồng ý, đạt tỷ lệ 100%);

Xét đề nghị của Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 2267/TTr-QLĐT ngày 16/7/2024; Báo cáo số 2266/BC-QLĐT ngày 16/7/2024 về việc thẩm định và phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu với nội dung như sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

Khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết rút gọn Bệnh viện đa khoa thuộc Phường 11, thành phố Vũng Tàu có giới hạn như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường Hàng Điều 4;
- Phía Tây Bắc giáp: Đường N2 quy hoạch;
- Phía Tây Nam giáp: Đường D14 quy hoạch;
- Phía Đông Nam giáp: Đường N5 quy hoạch.

2. Quy mô và tính chất:

- Quy mô diện tích quy hoạch: 40.439,1m² (khoảng 4,04ha);
- Tính chất: Là Bệnh viện với dịch vụ y tế cao cấp;
- Công suất phục vụ tối đa khoảng 400 giường;

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng mặt bằng khu đất lập quy hoạch là Đất y tế: Diện tích 40.439,1m².

- Mật độ xây dựng toàn khu: khoảng 31,8%;
- Hệ số sử dụng đất toàn khu: 1,67 lần;
- Tầng cao: 10 tầng + 01 tầng hầm.

Bảng thống kê các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	MĐXD	SỐ TẦNG	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG	HỆ SỐ SDD
		(m ²)	(%)	(tầng)	(m ²)	(lần)
1	Khối bệnh viện	6,678.6	16.52	10 + 01 tầng hầm	35,700.0	0.88
2	Khối dịch vụ y tế	5,877.5	14.53	10 + 01 tầng hầm	31,500.0	0.78
3	Khu hạ tầng kỹ thuật	300.0	0.74	01 tầng	300.0	0.01
4	Bãi đỗ xe	1,835.5			0	
5	Cây xanh công viên	13,935.0			0	
6	Đường giao thông	11,812.5			0	
TỔNG DIỆN TÍCH		40,439.1	31.8%		67,500.0	1.67

4. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật các công trình cụ thể:

(1) Khối bệnh viện (YT1): Tầng cao 10 tầng + 01 tầng hầm:

- Diện tích xây dựng khoảng 6.678,6m²; Mật độ xây dựng 16,52%; Tổng diện tích sàn khoảng 35.700m²; Hệ số sử dụng đất 0,88 lần.

- Tầng hầm diện tích khoảng 6.700m² bố trí bãi đậu xe, hệ thống kỹ thuật (bể bước, máy phát điện,..).

(2) Khối dịch vụ y tế (YT2): Tầng cao 10 tầng + 01 tầng hầm:

- Diện tích xây dựng khoảng 5.877,5m²; Mật độ xây dựng 14,53%; Tổng diện tích sàn khoảng 37.400m²; Hệ số sử dụng đất 0,78 lần.

- Tầng hầm diện tích khoảng 5.900m² bố trí bãi đậu xe, hệ thống kỹ thuật (bể bước, máy phát điện,..).

(3) Khu hạ tầng kỹ thuật (HT): Tầng cao 01 tầng:

- Diện tích xây dựng khoảng 300m²; Mật độ xây dựng 0,74%; Hệ số sử dụng đất 0,01 lần, gồm các công trình:

- Trạm điện, trạm bơm;

- Khu xử lý nước thải, nước thải y tế tại chỗ;
- Khu xử lý rác thải, rác thải y tế, rác thải nguy hại tại chỗ;

(4) Cây xanh công viên (CX): Tổng diện tích 13.935,0m²;

(5) Khu bãi đậu xe ngoài trời (BX): Được bố trí ở 02 khu vực với tổng diện tích 1.835,5m²;

(6) Đất đường giao thông (GT): Diện tích khoảng 11.812,5m²;

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu vực:

- Tận dụng lợi thế về vị trí, khu quy hoạch được bố trí 02 khu chức năng bệnh viện cao cấp và dịch vụ y tế; Mỗi khu gồm khối đế và khối tháp, mỗi khu đều được bố trí tiếp cận ở 04 mặt đường, tránh tình trạng tắc nghẽn.

- Trên mặt bằng tổng thể, sự liên kết của công trình với các công viên trước và sau được lưu ý tối đa bằng các hình thức đường đi bộ kết nối với công trình. Tuyến đường định hướng ra biển cũng được nhấn mạnh bằng hệ thống cảnh quan kết nối với công viên.

- Về hình dạng tổng mặt bằng và hình khối kiến trúc công trình mang tính định hướng kiến trúc, chi tiết sẽ được xem xét trong quá trình thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công trên cơ sở phải tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất của quy hoạch này.

- Đối với 02 khối công trình chính: Tầng cao công trình tối đa là 10 tầng, chiều cao công trình xây dựng phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận chiều cao tính không theo quy định hiện hành.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại: Trên cơ sở tuân thủ quy hoạch cấp trên và kết nối đồng bộ với mạng lưới giao thông theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

b) Hệ thống giao thông nội bộ: Được tổ chức theo dạng mạng lưới đường bao quanh công trình, trong đó với 02 khối công trình chính đều được tiếp cận từ 04 hướng, hệ thống giao thông hoàn chỉnh và linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu lưu thông và tiếp cận các khu vực chức năng. Bố trí 04 cổng ra vào gồm 02 cổng chính là C1, C2 và 02 cổng phụ C3, C4. Đường nội bộ trong khu vực được quy hoạch lộ giới rộng 11,0m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè nổi bên 2,0m.

c) Bãi đậu xe: Bố trí 02 bãi đậu xe ngoài trời phía Tây Bắc và phía Tây Nam, với tổng diện tích là 1.835,5m². Hai khối công trình chính đều được bố trí mỗi công trình có 01 tầng hầm sử dụng làm bãi đậu xe với tổng diện tích khoảng 12.600m²;

6.2. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa:

a) Quy hoạch san nền: Cao độ thiết kế san nền của khu vực là +2,75m, diện tích khu vực đất san lấp khoảng 40.212,5m², độ dốc địa hình đối với mặt phủ tự nhiên $i = 1\%$, cao độ trung bình mặt đất tự nhiên +1,60m (cao độ Hòn Dấu), chiều cao trung bình san lấp 0,9m. Tổng khối lượng đất cần đắp thực tế có tính đến hệ số chuyển đổi từ đất tự nhiên sang đất tới xấp $K=1,20$ là khoảng 112.371,13 m³.

- Giải pháp thiết kế san nền: Khu vực quy hoạch có địa hình tương đối bằng phẳng. Chọn cao độ nền xây dựng $H_{xd} = 2,75m$ và không bị ngập úng cục bộ, hướng dốc san nền cục bộ từng khu theo mùa để đảm bảo độ dốc thoát nước.

b) Quy hoạch thoát nước mưa: Thiết kế riêng hệ thống thoát nước mưa với nước thải sinh hoạt. Để đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường cho khu vực quy hoạch, chỉ xả trực tiếp nước mưa ra nguồn tiếp nhận. Hệ thống thoát nước mưa được bố trí tuyến ống chạy dọc theo sân đường để thu gom và vận chuyển đầu nối ra mạng lưới hiện hữu 1/2000. Ống dẫn nước mưa sử dụng công BTCT, trên từng tuyến ống có đặt những hố thăm dùng để thu nước trong lưu vực tính toán, khoảng cách hố thăm theo quy định thoát nước.

6.3. Quy hoạch cấp nước: Tổng nhu cầu cấp nước khu quy hoạch khoảng 561,0m³/ngày.đêm; Thiết kế bể nước có dung tích 560m³, bể nước chữa cháy trong công trình 144 m³. Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy là $Q=30$ lít/s, với số đám cháy xảy ra đồng thời là $N=01$ đám cháy liên tục trong 03 giờ (10.800 giây). Sử dụng 03 trụ chữa cháy ngoài nhà (02 trụ trên đường N2 và 1 trụ trên đường N6) mỗi trụ 20l/s (theo quy hoạch 1/2000) để cấp nước chữa cháy ngoài công trình cho dự án. Bố trí các trụ lấy nước ngoài công trình trong giao thông nội khu của dự án để đảm bảo khoảng cách chữa cháy theo quy định.

- Nguồn cấp: Nguồn nước phục vụ khu quy hoạch lấy từ hệ thống cấp nước trên đường Hàng Điều 4 thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nước cung cấp đảm bảo tiêu chuẩn sinh hoạt, đủ lưu lượng và đảm bảo áp lực theo đúng quy định hiện hành.

- Tuyến ống cấp nước mới được bố trí dưới sân đường dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ, nằm phía trước các khối công trình để thuận tiện cho việc cung cấp nước và được đầu nối với tuyến ống cấp nước hiện hữu dọc theo đường Hàng Điều 4. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng. Mạng lưới cấp nước được sử dụng loại ống HDPE. Ngoài ra trên mạng cấp nước có bố trí trụ chữa cháy. Trụ chữa cháy phải được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy, đảm bảo đúng theo quy định về phòng cháy chữa cháy.

6.4. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn:

a) Quy hoạch thoát nước thải: Tổng lưu lượng nước thải ngày trung bình $Q_{thai} = 616,3$ m³/ngày.đêm. Trong khu vực quy hoạch có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải y tế hoàn thiện, được thu gom về khu xử lý nước thải tại chỗ tập trung, đảm bảo xử lý nước tiêu chuẩn sau xử lý đạt cột A, xử lý đúng quy

định trước khi đưa ra hệ thống thoát nước thải khu vực; Trạm xử lý nước thải được đầu tư hoàn thiện, hiện đại và sử dụng các công nghệ mới.

b) Quy hoạch quản lý chất thải rắn, chất thải rắn y tế: Tổng lượng rác sinh hoạt dự kiến: 680 kg/ngày đêm. Trong dự án có hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải y tế, chất thải y tế nguy hại hoàn thiện, hiện đại.

- Chất thải rắn y tế, chất thải y tế nguy hại trong khu vực được phân định, phân loại, lưu trữ, xử lý theo quy định của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải rắn y tế;

- Chất thải y tế nguy hại phải được phân định, phân loại và thu gom riêng biệt với chất thải y tế thông thường trước khi đưa vào khu vực lưu trữ, xử lý;

- Tùy theo tình hình thực tế, có thể chuyển giao cho các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chuyên dụng và hàng mục xử lý chất thải y tế, chất thải nguy hại được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường (*hoặc giấy phép thành phần là giấy phép xử lý chất thải nguy hại*) đang hoạt động tại các tỉnh, thành phố khác.

6.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc:

a) Nguồn cấp điện: Tổng công suất tính toán cho khu vực: 3.070.8 kVA. Nguồn điện được lấy từ trạm biến áp 110/22 kV Vũng Tàu 3 (2x63MVA). Nguồn điện trung thế 22kV được lấy từ tuyến đường dây trung thế 22kV hiện hữu trên trục đường Hàng Điều 4.

b) Lưới điện, tuyến hạ thế, trạm biến áp: Mạng lưới điện trung thế 22kV được thiết kế theo dạng mạch vòng, vận hành hở. Sử dụng loại cáp ngầm Cu/XLPE 24 kV có vỏ cách điện nhựa không cháy – nhựa tổng hợp luồn trong ống HDPE chịu lực, ống nhựa gân xoắn HDPE D195/150.

- 02 Khối công trình bệnh viện và dịch vụ y tế bố trí riêng biệt các trạm biến áp 22/0,4 kV tại vị trí sao cho gần trung tâm phụ tải dùng điện với bán kính phục vụ không quá lớn, đảm bảo tổn thất điện áp nằm trong giới hạn cho phép và gần đường giao thông để tiện thi công.

- Hệ thống lưới điện trung thế và trạm biến áp 22kV đều phải có tiếp địa nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống. Toàn bộ tuyến cáp 22KV sẽ được đi ngầm trong hệ thống hào cáp hoặc cống bê tông kỹ thuật đảm bảo mỹ quan cho khu quy hoạch.

- Mạng lưới cáp hạ thế 0,4kV: Các tuyến hạ thế 0,4kV có cáp điện áp 220/380V, sử dụng loại cáp đồng có vỏ bọc cách điện nhựa không cháy CXV/PVC – nhựa tổng hợp đi ngầm dưới vỉa hè luồn trong ống nhựa HDPE gân xoắn chịu lực hoặc đi trên thang/máng cáp.

c) Lưới điện chiếu sáng: Mạng lưới cấp điện chiếu sáng đường sử dụng đèn led công suất 120W- 150W. Dùng cáp ngầm vỏ bọc cách điện nhựa không cháy Cu/XLPE/PVC 4xC-10 mm² cấp điện chiếu sáng cho toàn khu quy hoạch, khoảng cách trung bình giữa hai trụ đèn liên tiếp khoảng 30m.

- Nối đất cho các trụ đèn dùng cọc mạ đồng D16, l=2,4m đóng cách mặt đất 0,8m, mỗi trụ đèn được đóng 01 cọc, liên kết giữa các cọc bằng dây đồng trần M10, điện trở nối đất phải đảm bảo quy định an toàn điện.

- Lưới điện chiếu sáng cần đảm bảo về mỹ quan cho đô thị, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

d) Quy hoạch thông tin liên lạc: Tổng số thuê bao thông tin liên lạc dự kiến khoảng 524 thuê bao. Cung cấp các dịch vụ hiện đại và ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất cho khu quy hoạch, đáp ứng các nhu cầu viễn thông với các loại hình đa dịch vụ. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi về mặt viễn thông và xây dựng đồng bộ với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

6.6. Đánh giá môi trường chiến lược: Đồ án đề xuất các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đến môi trường và các chương trình giám sát môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm:

- Thông báo đồ án quy hoạch được duyệt cho UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Y tế, UBND Phường 11 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Chủ trì, phối hợp UBND Phường 11, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Đơn vị tư vấn tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định này; Lắp dựng panô bản vẽ được duyệt tại khu vực quy hoạch, Trụ sở UBND Phường 11 để công khai cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện.

- Việc triển khai lập dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo đúng nội dung quy hoạch tại Điều 1 của Quyết định này, các quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng hiện hành; Các công trình hạ tầng kỹ thuật phải có thỏa thuận việc tổ chức đấu nối với các cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt; Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp UBND Phường 11 quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi quy hoạch được duyệt.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Căn cứ quy hoạch được phê duyệt, hướng dẫn, cập nhật, điều chỉnh, giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai và môi trường cho dự án và chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định.

3. UBND Phường 11 có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt để các tổ chức, cá nhân được biết và giám sát việc thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng, theo dõi, kiểm tra và giám sát dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Vũng Tàu; Trưởng các Phòng: Quản lý đô thị, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch UBND Phường 11 và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND Tỉnh (b/c);
- Các Sở: XD, YT, TN&MT, TC, GT-VT, KH&ĐT;
- TTr. Thành ủy Vũng Tàu (b/c);
- TTr. HĐND và UBND TPVT;
- BBT. Trang thông tin điện tử TPVT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Thụy